TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BIÊNHÒA** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 258/2024/QĐST-HNGĐ	*Biên Hòa, ngày 29 tháng 02 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào Điều 212, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 311/2024/TLST – VHNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Bà Vũ Thụy Uyên Nh, sinh năm 1983;

+ Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: H8, Khu phố 1, phường B, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thụy Uyên Nh và ông Nguyễn Hồng Q xây dựng gia đình với nhau vào năm 2006 trên cơ sở cùng tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, theo giấy chứng nhận kết hôn số 269/2006, đăng ký ngày 03/11/2006.

Quá trình chung sống đến nay vợ chồng phát sinh Nhều mâu thuẫn và không thể hàn gắn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có Nhều quan điểm bất đồng, không hòa hợp, không thể hòa giải được. Đến nay cả hai vợ chồng nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa nên cả hai cùng có nguyện vọng làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận việc thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Vũ Thụy Uyên Nh và ông Nguyễn Hồng Q có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Khánh Ph, sinh ngày 01/11/2007 và Nguyễn Hoàng Đăng Kh, sinh ngày 04/9/2010. Ly hôn, bà Nh và ông Q thỏa thuận giao cả 02 con

chung cho bà Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000đ/tháng/02 con (5.000.000đ/01 con), kể từ khi Quyết định công nhận thuận tình ly và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Vũ Thụy Uyên Nh và ông Nguyễn Hồng Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Thụy Uyên Nh và ông Nguyễn Hồng Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Khánh Ph, sinh ngày 01/11/2007 và Nguyễn Hoàng Đăng Kh, sinh ngày 04/9/2010. Ly hôn, bà Nh và ông Q thỏa thuận giao cả 02 con chung Nguyễn Ngọc Khánh Ph và Nguyễn Hoàng Đăng Kh cho bà Nh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 10.000.000đ (Mười triệu đồng)/tháng/02 con (mỗi con 5.000.000đ/tháng), kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015

Ông Q không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí Tòa án: Bà Vũ Thụy Uyên Nh và ông Nguyễn Hồng Q mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0002391 ngày 30/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND TP. Biên Hoà (1);
- Chi cục THADS TP.Biên Hoà (1);
- Đương sự (2);
- UBND phường D, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương; (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (3)

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Văn Hùng